

# THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI NĂM 2005 VÀ TRIỂN VỌNG 2006

*Th.S. Trần Thị Lan Hương\**

## 1. ĐỘNG THÁI CỦA THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI

Theo báo cáo mới nhất của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) tốc độ tăng trưởng thương mại thế giới năm 2005 có xu hướng chậm lại do sản lượng kinh tế năm nay đạt mức thấp hơn, một phần vì giá dầu mỏ tăng cao. Tăng trưởng thương mại hàng hóa năm 2005 đạt 6,5%, thấp hơn mức kỷ lục 9% của năm 2004. Còn theo đánh giá mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng thương mại thế giới trong năm 2005 là 7,0%, thấp hơn mức 10,3% của năm 2004. Theo đánh giá của OECD, tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2005 đạt 7,3% và sẽ có xu hướng tăng nhanh hơn trong năm 2006. Theo đánh giá của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), tăng trưởng thương mại thế giới năm 2005 đạt mức 7,4%, giảm so với mức 10,2% trong năm 2004 do tốc độ tăng trưởng chậm của nền kinh tế thế giới.

Mặc dù số liệu tính toán của các tổ chức quốc tế có khác nhau, nhưng nhìn chung tốc độ tăng trưởng thương mại thế giới có xu hướng chậm lại sau sự tăng trưởng ngoạn mục vào năm 2004. Mỹ và Trung Quốc vẫn là hai động lực chính cho tăng trưởng thương mại toàn cầu trong năm nay. Với tỷ trọng 1/3 GDP thế giới, tốc độ

tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ trong năm 2005 đạt 3,6%, thấp hơn mức 4,3% của năm 2004, chủ yếu do tác động tiêu cực của các cơn bão Katrina, vào năm 2005, khiến nhu cầu nhập khẩu của Mỹ chậm lại. Những biến động khắc nghiệt trên thị trường thế giới trong năm 2005 được đánh giá là ảnh hưởng không nhiều đến thương mại thế giới do sự tăng tốc của nền kinh tế Trung Quốc. Theo đánh giá của IMF, năm 2005 tổng kim ngạch ngoại thương của Trung Quốc dự kiến là 1.400 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu tăng 26% và kim ngạch nhập khẩu tăng 18%. Nền kinh tế Trung Quốc đã cống hiến thúc đẩy nền kinh tế thế giới 27,9% và nền kinh tế Mỹ cống hiến 16,8%. Tăng trưởng thương mại của Trung Quốc năm 2005 theo Bộ thương mại Trung Quốc là 15% cho xuất khẩu và 16% cho nhập khẩu, vượt qua Nhật Bản và trở thành đối tác thương mại lớn thứ 3 thế giới, sau Mỹ và Đức.

Biến động của giá cả một số loại sản phẩm trên thế giới cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động thương mại toàn cầu. Giá dầu mỏ năm 2005 tăng cao một cách kỷ lục là nhân tố dẫn đến giá cả các loại hàng hoá khác tăng cao. Giá các loại nguyên liệu giành cho sản xuất như thép, xi măng... cũng cao ở mức kỷ

\* Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

lục, gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh toàn cầu, đặc biệt là các nước đang phát triển. Hàng điện tử, bán dẫn trên thế giới đang có doanh số bán chậm lại do một số ngành đang vượt quá năng suất. Bên cạnh đó, những kết quả không theo mong muốn của Vòng đàm phán Đôha của WTO tại Hồng Kông vào cuối năm 2005 đã không làm khai thông những bế tắc trong các cuộc đàm phán thương mại đa phương, khiến thương mại thế giới tăng trưởng chậm lại.

## **2. SỰ BẾ TẮC CỦA ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI ĐA PHƯƠNG KHIẾN CÁC CUỘC ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG TRỞ NÊN SÔI ĐỘNG**

### *a. Thương mại đa phương*

Các cuộc đàm phán của Vòng đàm phán Đôha (WTO) tổ chức tại Hồng Kông vào tháng 12 năm 2005 đã được dự đoán trước là thất bại. Trước hội nghị, các nước thành viên WTO thuộc các khu vực trên thế giới đều có xu hướng nghiêng về chủ nghĩa bảo hộ và có thái độ không đồng tình với các vấn đề sẽ được đưa ra tại hội nghị vào cuối năm. Những vấn đề gây ra bế tắc trong các cuộc thương lượng của Vòng đàm phán Đôha giữa 149 nước thành viên là:

+ **Buôn bán sản phẩm nông nghiệp:** Buôn bán sản phẩm nông nghiệp chiếm 10% thương mại toàn cầu nhưng nó lại rất quan trọng đối với các nước đang phát triển. Ba vấn đề chủ chốt của các cuộc đàm phán về nông nghiệp là: trợ giá xuất khẩu, hỗ trợ trong nước và thâm nhập thị trường. Trước hội nghị, các nước EU sẵn sàng thảo luận xóa bỏ trợ giá nhưng thời hạn áp dụng lại khác nhau đối với các sản phẩm riêng biệt, nhưng các nước khác lại muốn xóa bỏ trợ giá nông sản vào năm 2010. Mỹ đề nghị cắt giảm 60% hỗ trợ cho nông dân Mỹ trong hợp Da cam, đồng thời

muốn Nhật Bản và EU cắt giảm khoảng 80% mức độ cơ bản được phép chi tiêu thêm theo các quy định hiện hành của WTO. Mỹ cũng đề xuất hạn chế sự hỗ trợ Hộp Xanh 2,5%. Những đề xuất này đã bị các nước đang phát triển phản đối. Trong vấn đề thâm nhập thị trường, Mỹ, Ôxtrâyliya, Braxin chỉ trích EU đánh thuế cao trên 160 sản phẩm nông nghiệp “nhạy cảm” của các nước, và yêu cầu EU phải giảm thuế ở mức cao hơn.

+ **Hàng công nghiệp:** Các nước giàu tìm cách cắt giảm thuế nhập khẩu theo “công thức Thụy Sĩ”, buộc tất cả các nước thành viên phải giảm các mức thuế xuống dưới mức cố định (EU cho là ở mức 10%). Điều này sẽ tạo ra ưu đãi “đặc biệt” và “khác nhau”, nhưng họ vẫn phản đối để bảo vệ các ngành công nghiệp non trẻ của họ.

+ **Lĩnh vực dịch vụ:** EU muốn các nước đang phát triển tự do hóa 139 trong tổng số 163 lĩnh vực, nhưng các nước đang phát triển chỉ muốn cải cách 93 lĩnh vực.

Mặc dù có rất nhiều những bất đồng xung quanh các lĩnh vực đàm phán giữa các nước phát triển và đang phát triển, nhưng Hội nghị Đôha cuối cùng đã đạt được một vài kết quả. So với những dự đoán bi quan trước đây, kết quả của Đôha lần này được coi là không tồi. Kết quả này chủ yếu có thể khái quát thành 3 điểm chính: đạt được thời hạn dỡ bỏ trợ giá xuất khẩu nông nghiệp (bao gồm cả bông), giành ưu đãi cho các nước chậm phát triển nhất như dỡ bỏ hạn ngạch và thuế quan, định ra thời gian biểu và lộ trình cho đàm phán tiếp theo (đặc biệt là vấn đề liên quan đến lĩnh vực mở cửa ngành dịch vụ). Thời gian cuối cùng chấm dứt trợ giá nông nghiệp là vào năm 2013, gạt bỏ một rào cản để tiến tới một thỏa thuận thương mại

toàn diện vào năm 2006. Mốc 2013 là để xuất chính của EU, trước sức ép của Braxin và những nước đang phát triển khác, muốn khu vực này phải xoá bỏ trợ cấp muện nhất là vào năm 2010. Bản dự thảo cũng đặt ra thời hạn 30/4/2006 để các nước thành viên đề ra các biện pháp cắt giảm thuế, trợ cấp nông nghiệp và công nghiệp, một bước quan trọng để tiến tới một hiệp ước thương mại tự do hoàn toàn vào cuối năm 2006. Các nước phát triển cũng đã chấp nhận không đánh thuế và áp dụng hạn ngạch xuất khẩu đối với ít nhất 97% các loại hàng hoá xuất khẩu đến từ các nước nghèo nhất trên thế giới (LDCs). Việc giảm thuế và hạn ngạch xuất khẩu sẽ bắt đầu vào năm 2008 hoặc sau khi hoàn tất một hiệp định khung toàn diện đối với vòng Đoha. Các quy định mới này sẽ được áp dụng đối với tất cả các nước phát triển, nhưng các nước đang phát triển như Pakixtan, Malaixia sẽ được miễn trừ nếu không có khả năng bỏ thuế nhập khẩu. Bên cạnh đó, hội nghị cũng đưa ra mốc cuối cùng để các nước thành viên chuẩn bị đầy đủ các đề xuất để mở cửa thị trường dịch vụ là vào tháng 10 năm 2006.

Những tiên đoán trước đó về thất bại của Vòng Đoha đã khiến chủ nghĩa bảo hộ thương mại ngày càng quyết liệt. Kể từ 1/1/2005, các nước bắt đầu thực hiện tự do hóa buôn bán hàng dệt may thì cuộc chiến về hàng dệt may diễn ra càng ác liệt giữa Trung Quốc và Mỹ, Trung Quốc và EU xung quanh vấn đề nhập khẩu mặt hàng này. Sau khi Mỹ đưa ra hạn ngạch đối với nhập khẩu hàng dệt may của Trung Quốc, thì EU cũng làm theo và đưa ra hạn ngạch nhập khẩu. Bên cạnh việc áp dụng các biện pháp bảo vệ để hạn chế về lượng hàng nhập khẩu dệt may từ Trung Quốc, EU và Mỹ cũng đang áp dụng biện pháp

kim hãm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt may của Trung Quốc vào hai thị trường này. Bên cạnh đó, những xung đột mậu dịch giữa Mỹ và EU cũng mạnh lên, đặc biệt là đối với những mặt hàng nông sản phẩm, sắt thép, cạnh tranh thị trường máy bay giữa Boeing và Airbus. Xung đột và cạnh tranh mậu dịch giữa Mỹ và EU có quy mô và kim ngạch lớn hơn nhiều so với những tranh chấp về hàng dệt may với Trung Quốc. Sự bảo hộ mạnh mẽ của các nước giàu còn thể hiện rất rõ thông qua hội nghị WTO tại Hồng Kông, điều này đã góp phần đẩy tiến trình tự do hoá thương mại toàn cầu thụt lùi thêm 3 năm nữa. Mặc dù chính phủ Mỹ thông báo là sẽ cắt giảm 60% trợ giá nông sản trong vòng 5 năm tới xuống còn 7,6 tỷ USD, nhưng theo ước tính chi phí cho trợ giá nông sản của Mỹ có thể sẽ tăng từ 13,3 tỷ USD năm 2004 lên 21,4 tỷ USD năm 2005. Còn EU, bất chấp lời thông báo của WTO rằng EU phải ngừng các chương trình trợ cấp đường vào 22/5/2006 nếu không sẽ phải đối mặt với những biện pháp trả đũa lên tới hàng tỷ USD, nhưng vào tháng 9 năm 2005 EU vẫn tuyên bố tiếp tục trợ cấp đường và sẽ tăng khối lượng đường xuất khẩu năm 2005 từ 5 triệu tấn lên 7,2 triệu tấn. EU cũng thông báo sẽ chi 450 triệu Euro trợ cấp trong giai đoạn 2005-2006 cho các nhà sản xuất rượu nho của nhiều nước thành viên.

Trước xu hướng bảo hộ thương mại, các nước đang phát triển cũng đã phối hợp với nhau trong cuộc chiến thương mại toàn cầu. Tại châu Mỹ Latinh, ngoại trưởng các nước thuộc khối MERCOSUR đã họp vào 15/11 để thống nhất lấy nông nghiệp là vấn đề chính trong chương trình nghị sự Vòng Đoha. MERCOSUR đã chỉ trích các nước giàu chỉ đòi hỏi các nước chậm phát triển mở cửa thị trường dịch vụ và phi

nông nghiệp trong khi họ không chịu nhân nhượng về vấn đề nông nghiệp. Tại châu Phi, 33 nước trồng bông châu Phi cũng đã khẳng định nếu hội nghị Hồng Kông không buộc Mỹ và EU loại bỏ trợ cấp xuất khẩu, 33 nước này sẽ phủ quyết nghị quyết của hội nghị, bởi các trợ cấp bông ở Mỹ và EU đang có xu hướng giết chết ngành trồng bông ở châu Phi và đẩy 33 nước trồng bông ở châu lục này vào cảnh bần cùng.

### *b. Thương mại song phương*

Kết quả không hài lòng của Vòng Đoha và những dự báo trước đó về một vòng đàm phán đa phương sẽ bế tắc vào cuối năm đã mở đường đẩy nhanh việc ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại song phương trên khắp các châu lục. Tại Châu Á, khu vực thương mại tự do Trung Quốc - ASEAN (CAFTA) đã có những bước khởi động tích cực. Trong 9 tháng đầu năm, kim ngạch thương mại song phương Trung Quốc - ASEAN tăng lên 25%, đạt 94,5 tỷ USD và có thể đạt 120 tỷ USD trong cả năm 2005 so với mức 106 tỷ USD năm ngoái. Tháng 6 năm 2005, Hội nghị lần thứ 19 của Ủy ban mậu dịch Trung Quốc - ASEAN đã họp và xác định kế hoạch giảm thuế quan trong CAFTA đúng thời hạn. Từ tháng 7 năm 2005, Trung Quốc cùng Brunêy, Malaixia, Indônêxia, Mianma, Xingapo, Thái Lan đã hoàn tất các cuộc đàm phán về tự do hoá thương mại và bắt đầu thực hiện việc cắt giảm thuế nhập khẩu 7.455 mặt hàng. Các chuyên gia tin rằng việc cắt giảm thuế sẽ mở rộng đáng kể quy mô buôn bán giữa Trung Quốc và ASEAN. Vào năm 2010, Trung Quốc và 6 nước thành viên ban đầu của ASEAN là Brunây, Malaixia, Philippin, Indônêxia, Xingapo, Thái Lan sẽ áp dụng thuế bằng 0 đối với phần lớn

các sản phẩm thông thường và áp dụng với 4 nước ASEAN còn lại vào năm 2015. Tiếp theo đó, vào ngày 18 - 22 tháng 10, Hội nghị cấp cao về thương mại đầu tư Trung Quốc - ASEAN và Hội chợ triển lãm Trung Quốc - ASEAN đã được khai mạc tại Nam Ninh Trung Quốc. Tại hội nghị và hội chợ này, hai bên đã ký kết 126 dự án hợp tác thương mại với tổng kim ngạch là 5,29 tỷ USD. Có thể coi năm 2005 là năm bản lề trong quan hệ thương mại Trung Quốc - ASEAN. CAFTA Trung Quốc - ASEAN hiện đang được đánh giá là khu vực thương mại tự do lớn thứ ba thế giới sau EU và NAFTA.

Sau khi Trung Quốc và ASEAN ký kết hiệp định thương mại tự do vào năm ngoái, Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ cũng đang khẩn trương tiến hành đàm phán với ASEAN để thành lập AFTA. FTA giữa Ấn Độ và ASEAN dự kiến sẽ bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2007. Kim ngạch thương mại hai chiều ASEAN - Ấn Độ đạt 25 tỷ USD và có mức tăng 30% trong năm 2005. Tại Hội nghị cấp cao Đông Á tổ chức tại Kuala Lumpur vào cuối tháng 12, thỏa thuận thương mại tự do Nhật Bản - ASEAN đã được nối lại. Quan trao đổi, các nhà lãnh đạo ASEAN và Nhật Bản đã tuyên bố sẽ đánh giá lại cách thức thương lượng hiện nay và với mục tiêu hoàn tất tiến trình thương lượng vào tháng 4 năm 2007. Tuy nhiên, các nước thành viên ASEAN đã yêu cầu Nhật Bản ký kết các Hiệp định đối tác kinh tế (EPA) với tất cả các nước thành viên. Hiện nay, Nhật Bản mới ký EPA với Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Indônêxia, Philippin và đang đề xuất ký kết với các nước ASEAN còn lại. Mặc dù đã nhất trí thực hiện tự do hoá thương mại hoàn toàn ASEAN vào năm 2012, nhưng Nhật Bản vẫn chậm chân

hơn Trung Quốc và Ấn Độ. Cũng trong Hội nghị Đông Á vào cuối năm, các cuộc đàm phán FTA giữa Hàn Quốc - ASEAN đã được xúc tiến. ASEAN và Hàn Quốc đã nhất trí dỡ bỏ thuế đối với 80% các mặt hàng vào năm 2008 và phần còn lại vào thời điểm chưa quyết định từ 2010 đến 2012.

Tại Hội nghị Đông Á, các nước trong khu vực đã thảo luận để thành lập "Khối cộng đồng Đông Á" và dự kiến sẽ cho ra đời đồng tiền chung châu Á - đồng Acu vào năm 2006. Ngoài ra, các nước châu Á đã ký kết các FTA với các nước và khu vực khác, như Hiệp định tăng cường hợp tác buôn bán song phương Mỹ - ASEAN; Hiệp định tự do thương mại song phương Thái Lan - Ôxtrâyliá, Hiệp định thương mại tự do Trung Quốc - Chilê, Hiệp định mậu dịch song phương Nhật Bản - Chilê.

Nền kinh tế Trung Quốc đang thể hiện là một nước lớn trong khu vực châu Á và trên thế giới bởi những ảnh hưởng xuất khẩu của đất nước này đến thương mại toàn cầu. Sau sự bãi bỏ hạn ngạch dệt may toàn cầu vào 1/1/2005, Trung Quốc đã từng bước chiếm lĩnh thị trường dệt may thế giới, đặc biệt là tại hai khu vực nhập khẩu lớn như Mỹ và EU. Trong nửa đầu năm 2005, xuất khẩu dệt may của Trung Quốc vào EU tăng 130% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 8,65 tỷ USD. Tháng 6 năm 2005, Trung Quốc và EU đã đạt được thoả thuận giải quyết tranh chấp hàng dệt may, theo đó Trung Quốc sẽ hạn chế mức tăng hàng dệt may xuất khẩu sang châu Âu trong vòng 3 năm tới ở mức 8-12,5%. Đối lại, EU đồng ý ngừng các cuộc điều tra đối với 10 mặt hàng dệt may xuất khẩu vào châu Âu, trong đó có áo phông, vải sợi bông, áo len chui cổ, áo choàng và quần âu. Tương tự như ở EU, hàng dệt may

Trung Quốc cũng đang tràn ngập thị trường Mỹ. Xuất khẩu hàng dệt may Trung Quốc sang Mỹ trong quý 1/2005 lên tới 4 tỷ USD, tăng 70% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ba mặt hàng tăng đột ngột là áo sơ mi dệt kim sợi bông tăng 1250%, quần sợi bông tăng 1500% và quần áo lót pha nilon tăng 300%. Sự gia tăng mạnh mẽ hàng dệt may Trung Quốc vào thị trường trong nước khiến Hiệp hội dệt may Bộ Thương mại Mỹ phải tuyên bố tiến hành điều tra và áp dụng biện pháp quy định hạn ngạch đối với 7 mặt hàng dệt may của Trung Quốc vào ngày 28/4/2005. Hiệp định dệt may Mỹ - Trung ký kết vào tháng 11/2005 và bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2006 đã quy định hạn chế số lượng 34 chủng loại hàng dệt may (với tổng trị giá khoảng 5 tỷ USD/năm) của Trung Quốc sang thị trường Mỹ. Hiệp định cho phép hàng nhập khẩu từ Trung Quốc tăng dần tới năm 2008, nhưng vẫn giới hạn tốc độ tăng trưởng thấp hơn nhiều so với mức tăng năm 2005. Đối với các hạng mục quần áo, xuất khẩu của Trung Quốc được phép tăng 10% trong năm 2006, 12,5% năm 2007 và 15% năm 2008. Đối với các sản phẩm dệt may, tỷ lệ tăng trưởng cho phép là 12,5% năm 2006 và 2007 và 16% năm 2008.

Tại châu Mỹ, các cuộc tranh chấp thương mại để hình thành một FTA toàn châu Mỹ trong năm nay có xu hướng quyết liệt và có thể kéo dài đến năm 2006 do nhiều nước đang cố gắng thiết lập các mối quan hệ chặt chẽ với Mỹ. Tại Hội nghị thượng đỉnh các nước châu Mỹ tổ chức lần thứ 4 ở Acentina tháng 11/2005, 27 nước thuộc Mỹ Latinh và Caribê cùng với Mỹ và Canada đã thúc đẩy việc ấn định thời điểm để tiến hành các cuộc thương lượng cấp cao nhằm thành lập Khu vực mậu dịch tự do Châu Mỹ (FTAA) gồm 34 thành

viên. Tuy nhiên, khối thương mại MERCOSUR gồm Aentina, Braxin, Paragoay và Urugoay đã cùng với Venêxuêla phản đối khuôn khổ thời gian đàm phán vốn bị bế tắc nhiều năm bởi họ cho rằng việc thành lập FTAA sẽ làm suy yếu nền kinh tế của họ và chỉ có lợi cho các nước giàu trong khu vực.

Mặc dù đàm phán về mậu dịch tự do toàn châu lục phát triển chậm chạp, nhưng hợp tác tiểu khu vực lại có những tiến triển đáng kể. Tháng 3 năm 2005, Khối cộng đồng Châu Mỹ đã ký FTA với Mỹ. Tiếp đó, Thị trường chung Nam Mỹ lại ký một loạt các hiệp định với Liên minh Ả-rập về hợp tác năng lượng, kinh tế, buôn bán và tuyên bố rằng sẽ thành lập FTA phía Nam và các nước Ả-rập. Ngoài ra, Mêhicô, Chilê còn ký FTA với Ôxtrâyliya, một nước nằm ngoài khu vực. Tháng 8 năm 2005, Hiệp định Vùng tự do thương mại Trung Mỹ – CAFTA (gồm Mỹ, Sahado, Hondurat, Goatêmala, Côtã Rica, Nicaragoa, Dominica) đã được tổng thống Mỹ ký. Hiệp định này sẽ đem lại những thay đổi cơ bản về thương mại ở nội vùng, bởi trên 80% xuất khẩu của các nước Trung Mỹ vào Mỹ sẽ được miễn thuế. Tuy nhiên, vẫn có nhiều bất đồng của các nước thành viên về lợi ích đa chiều của hiệp định này, cả ở Mỹ và các nước Trung Mỹ. Hiện nay, GDP của các nước Trung Mỹ mới chỉ chiếm 1% GDP của Mỹ, trong khi đó các mức thuế do các nước thành viên áp dụng đối với 80% nhập khẩu công nghiệp và 50% nhập khẩu nông nghiệp từ Mỹ sẽ được bãi bỏ.

### 3. THƯƠNG MẠI BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI GIÁ CẢ BIẾN ĐỘNG MẠNH

Giá cả hàng hóa thế giới đang trong thời kỳ tăng cao bắt đầu từ cuối năm 2001.

Từ năm 2002-2003, giá cả hàng hóa trên toàn thế giới tăng từ 0,6% lên 7,1%. Sau năm 2004, giá hàng hóa trên thế giới đặc biệt là giá nhiên liệu tăng lên mạnh mẽ. Theo các chuyên gia IMF, năm 2005 giá hàng hóa các loại tăng lên cao nhất và khá đồng đều, sau đó sẽ giảm xuống vào năm 2006. Nguyên nhân chủ yếu là giá nhiên liệu tăng cao, kéo theo giá các mặt hàng khác cũng tăng cao.

#### - Giá dầu

Giá dầu trên thế giới duy trì ở mức 40 USD/thùng vào cuối năm 2004, cao hơn mức 28,8 USD/thùng vào năm 2003. Trong những tháng đầu năm 2005, thị trường dầu mỏ tiếp tục bị chấn động do những bất ổn định địa chính trị và cầu vẫn tiếp diễn. Theo đánh giá của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nhu cầu dầu mỏ là 84 triệu thùng/ngày vào năm 2005 trong khi năng lực sản xuất dầu của một số nước thành viên OPEC như Irắc, Nigiêria, Venêduêla, Indônêxia tăng chậm lại. Giá dầu mỏ đột ngột tăng lên mức kỷ lục từ trước tới nay ở mức 70,85 USD/thùng trong phiên giao dịch ngày 30/8 sau khi cơn bão Katrina tàn phá khu vực bờ biển nước Mỹ. Sau đó giá dầu đã giảm dần và hiện nay giá giao dịch ở mức khoảng 60 USD/thùng, cao nhất trong vòng 20 năm qua, vượt 58% so với cơn sốt dầu năm 2004. Cơn sốt năng lượng đã đặt vào tay các nước xuất khẩu dầu những khoản tiền khổng lồ. Năm 2005, giá dầu tăng cao đã lấy đi khoảng 300 tỷ USD của các nước nhập khẩu chính trong OECD và chuyển sang cho các nước khai thác dầu. Giá dầu tăng mạnh tác động đến hầu hết các nền kinh tế trên thế giới và có ảnh hưởng lớn tới hoạt động thương mại toàn cầu. Việc khan hiếm dầu còn khiến

các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc phải đầu tư hàng chục tỷ USD cho chiến lược dự trữ dầu mỏ. Ngày 3/8/2005, Trung Quốc đã thất bại trong việc mua tập đoàn dầu lửa Unocal với trị giá 20 tỷ USD của Mỹ, nhưng điều này cũng cho thấy tầm quan trọng của nguồn tài nguyên dầu mỏ đối với thế giới.

#### - Giá vàng

Giá vàng thế giới đã lên tới mức 516,93 USD/ounce vào tháng 12, mức cao kỷ lục trong vòng 25 năm qua. Hội đồng Vàng Thế giới cho biết nhu cầu vàng thế giới trong quý 3 năm nay dự kiến lên tới 838 tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chính khiến giá vàng tăng là do có sự tăng giá của đồng USD so với các ngoại tệ mạnh khác, vì Mỹ tăng lãi suất khiến giá vàng tăng theo, người dân có xu hướng mua vàng để dự trữ. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh của các nền kinh tế Trung Quốc và Ấn Độ đã khiến nhu cầu mua vàng của các nước này lên cao trong mùa cưới trong khi nguồn cung ở các nước xuất khẩu vàng hàng đầu có xu hướng giảm. Trong quý 1 năm 2005, nhập khẩu vàng của Ấn Độ tăng 72% và trong cả năm 2005 nước này nhập khoảng 700 tấn vàng. Nhu cầu tiêu thụ vàng của Trung Quốc năm 2005 cũng tăng ở mức 20% so với 13% của năm 2004. Nam Phi, nước sản xuất và xuất khẩu vàng hàng đầu thế giới, sản lượng vàng giảm 12,8% xuống còn 73,8 tấn trong quý 1/2005. Ôxtrâylia, nước sản xuất vàng thứ 2 thế giới cũng dự báo sản lượng vàng giảm 3% trong năm, xuống mức thấp kỷ lục 265 tấn vào năm 2005. Bên cạnh đó, Ngân hàng trung ương Nga đã tăng dự trữ vàng lên 500 tấn cũng khiến giá vàng trên thế giới gia tăng. Nhiều quỹ đầu tư quốc tế cũng tăng cường mua vàng vào đẩy giá vàng lên cao.

- Tác động dây chuyền lên các loại hàng hoá khác

Giá vàng trong thời gian gần đây thường tăng đồng thời với giá dầu lửa và giá của đồng USD. Điều này cũng khiến giá các loại kim loại quý hiếm khác tăng theo. Năm 2005, giá đồng tăng cao nhất trong vòng 10 năm qua, vượt mức 4000 USD/tấn do nhu cầu nhập khẩu đồng của Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc tăng nhanh, trong khi các nguồn cung đồng của Chile và Dambia bị hạn chế do đình công. Giá nhôm trên thế giới cũng ở mức 2095 USD/tấn, cao nhất trong vòng 10 năm qua do sản lượng giảm trong khi nhu cầu không ngừng tăng cao, đặc biệt là từ Trung Quốc. Giá bạch kim vào tháng 11 lên tới mức 973 USD/ounce, cao nhất trong vòng 25 năm do nhu cầu dùng đồ trang sức bằng bạch kim trên thế giới tăng nhanh. Giá kẽm tăng liên tục từ đầu năm và đạt mức giá cao nhất là 1949 USD/tấn, cao nhất trong vòng 8 năm, chủ yếu do thiếu hụt nguồn cung.

Cùng với sự thay đổi thất thường của khí hậu thế giới trong năm 2005, giá dầu và giá nguyên liệu tăng cũng là một trong những nhân tố khiến giá hàng hóa nông nghiệp giữ ở mức ổn định và tăng nhẹ đối với một số mặt hàng như lương thực, rau quả, cà phê... Theo đánh giá của IMF, giá cả phi nhiên liệu trên thế giới trong năm 2005 tăng 8,6%, trong khi giá dầu tăng ở mức 43,6%.

#### 4. TRIỂN VỌNG THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI NĂM 2006

Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, thương mại thế giới trong năm 2006 tiếp tục phục hồi và tăng mạnh, tạo môi trường bên ngoài thuận lợi cho kinh tế trong

nước, đặc biệt là các nước thực hiện chính sách mở cửa. Theo OECD, thương mại toàn cầu sẽ tăng 7,5% trong năm 2006 và năm 2007, còn theo IMF tốc độ tăng trưởng thương mại thế giới trong năm 2006 là 7,4%, theo WTO đánh giá là ở mức 7,1%, tăng nhẹ so với năm 2005. Mặc dù có những đánh giá khác nhau, nhưng đều cho thấy thương mại thế giới trong năm tới sẽ chỉ tăng nhẹ so với năm 2005 bởi các lý do sau:

*Thứ nhất*, tuy mục tiêu của Vòng Đoha còn rất nhiều và lâu dài, nhưng thành công của Hội nghị Đoha năm 2005 được coi là sự cứu vãn Vòng đàm phán Đoha và vai trò của WTO. Hội nghị lần này khẳng định vai trò ngày càng gia tăng của các nước đang phát triển trong các hoạt động đàm phán thương mại đa phương, tăng cường tính liên kết của các nước đang phát triển để đối phó với làn sóng toàn cầu hóa đang diễn ra gay gắt. Vào cuối năm 2006, vòng đàm phán Đoha sẽ đi đến hồi kết, nếu không đến năm 2007 sau khi cơ chế đàm phán mậu dịch nhanh của chính quyền Mỹ kết thúc, hiệp định sẽ khó được quốc hội Mỹ thông qua. Nếu WTO đạt được những thoả thuận vào năm 2006, lợi ích thu được là rất lớn cho tất cả các nước. Việc xoá bỏ hoàn toàn thuế quan, trợ cấp và các chương trình trợ nội địa sẽ làm tăng thu nhập toàn cầu lên 287 tỷ USD mỗi năm vào năm 2015, trong đó 201 tỷ USD sẽ rơi vào các nước thu nhập cao. Số người sống dưới mức 1 USD/ngày sẽ giảm 32 triệu người, tức là 5%.

*Thứ hai*, nhân tố tiếp theo quyết định đến kinh tế và thương mại thế giới năm 2006 là giá dầu lửa. Các chuyên gia dầu lửa thế giới đánh giá, giá dầu lửa trên thị trường thế giới năm 2006 sẽ ở mức 60

USD/thùng, còn các chuyên gia kinh tế Mỹ lại đánh giá giá dầu lửa năm 2006 sẽ giao động ở mức 64 - 65 USD/thùng. Giá dầu tăng lên tác động trực tiếp tới các ngành sản xuất chế tạo, vận chuyển, từ đó làm cho giá thành tăng lên và tăng trưởng thương mại thế giới trong năm 2006 sẽ bị ảnh hưởng. Giá dầu trong năm 2006 ở mức cao đồng thời với nhu cầu tiêu thụ hàng hóa trên thế giới ngày càng lớn sẽ khiến cho thị trường sản xuất hàng hóa thế giới tiếp tục rơi vào tình trạng chi phí cao, đẩy giá nguyên vật liệu, thành phẩm và bán thành phẩm tiếp tục ở mức cao.

*Thứ ba*, sự suy thoái nhẹ của nền kinh tế thế giới vào năm 2006 khiến hoạt động thương mại thế giới không thể nhận nhịp trở lại như năm 2004. Dự báo kinh tế thế giới năm 2006 sẽ tăng trưởng ở mức 3,3%, giảm nhẹ so với mức 3,7% của năm 2005 và các nhà nhập khẩu lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU đều giảm nhẹ tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng cao, nhưng sẽ hạ bớt nhiệt so với năm 2004 - 2005. Cùng với những nhân tố bất ổn khác như sự lên xuống giá thất thường của đồng USD, giá dầu, điều kiện thời tiết..., thương mại thế giới không thể tăng trưởng cao hơn nhiều trong năm 2006.

#### Tài liệu tham khảo

1. IMF, *World Economic Outlook*, 4/2005 và 9/2005.
2. *The Economist*, các số tháng 7-11/2005.
3. <http://www.wto.org/>
4. TTXVN, *Tin kinh tế hàng ngày, Tin kinh tế quốc tế*, các tháng 1-12/2005
5. *Thời báo kinh tế Việt Nam*, tháng 11-12/2005.
6. Báo đầu tư, tháng 11-12/2005.